

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN GIÁO

**QUAN HỆ XÃ HỘI  
TRONG BỐI CẢNH PHI NÔNG NGHIỆP HÓA:  
NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP  
LÀNG NINH HIỆP, GIA LÂM, HÀ NỘI**

**Chuyên ngành: Văn hóa học  
Mã số: 62 31 06 40**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HÓA HỌC**

**HÀ NỘI - 2016**



**Công trình được hoàn thành tại:**  
**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM**  
**HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

Người hướng dẫn khoa học:

**1. PGS.TS. Lê Thanh Bình**

**2. TS. Đào Thế Đức**

Phản biện 1: PGS.TS. Nguyễn Văn Sửu

Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, ĐHQG  
Hà Nội

Phản biện 2: TS. Hoàng Cẩm

Khoa Văn hóa học, Học viện Khoa học xã hội

Phản biện 3: PGS.TS. Trịnh Thị Minh Đức

Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện họp tại Học viện Khoa học xã hội (477 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội) vào hồi    giờ    phút, ngày    tháng    năm 2016.

Có thể tìm hiểu luận án tại:    Thư viện Học viện Khoa học xã hội  
(Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam)



## MỞ ĐẦU

### 1. Lí do chọn đề tài

Khi đề cập đến vai trò của quan hệ xã hội truyền thống trong bối cảnh phi nông nghiệp hóa mạnh mẽ của làng hiện nay, người dân Ninh Hiệp - làng buôn vải và thuốc bắc nổi tiếng ở ngoại thành Hà Nội - cho biết, có những quan hệ đóng vai trò trợ giúp quan trọng đối với họ trong hoàn cảnh khó khăn và có những quan hệ đóng vai trò trợ giúp quan trọng đối với họ trong việc phát triển kinh tế. Sự nhìn nhận một cách phân biệt đối với những nguồn lực từ các mối quan hệ đa dạng nhưng đều đánh giá cao chúng, đặt trong tình trạng đặc thù của làng là phi nông nghiệp hóa dạng thương mại cho thấy thực tế: các quan hệ xã hội truyền thống vẫn giữ vai trò có ý nghĩa đối với đời sống của người dân. Như ta biết, một số lí thuyết hiện đại - tiêu biểu là lí thuyết của Parsons - nhận định, quan hệ xã hội truyền thống sẽ dần giải thể trong xã hội “hiện đại” do không còn vai trò vốn có. Hiện tượng vừa nêu phần nào đã vượt khỏi khả năng giải thích của các lí thuyết này và nó cần được tìm hiểu.

Nếu như cách đây khoảng hơn một thập kỉ, các làng xã Việt phi nông nghiệp hầu như chưa xuất hiện thì nay một số làng đã tiến tới phi nông nghiệp toàn diện, trong đó có Ninh Hiệp. Tuy nhiên các nghiên cứu liên quan vẫn chưa kịp thời bao quát được đối tượng. Qua tìm hiểu bước đầu, chúng tôi nhận thấy ở đây đang có một xu hướng phát triển của tính duy lí trên nền tảng đan xen giữa tình và lí trong quan hệ xã hội mà (nền tảng này) theo chúng tôi vốn là mẫu số chung của quan hệ xã hội ở nông thôn Việt. Việc nhận diện và lí giải nó, thiết nghĩ, có thể giúp góp thêm được một ý kiến vào cuộc thảo luận về quan hệ xã hội ở nông thôn nước ta hiện nay.

Với những lí do trên, *Quan hệ xã hội trong bối cảnh phi nông nghiệp hóa: Nghiên cứu trường hợp làng Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội* được chúng tôi chọn làm đề tài nghiên cứu.

### 2. Mục đích, đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của đề tài là nêu lên được tính chất của quan hệ xã hội ở một ngôi làng Việt trong bối cảnh đương đại mà cụ thể là của sự duy lí với tư cách nét trội. Quan hệ xã hội ở Ninh Hiệp - như vừa đề cập - có sự đan xen của cả tình và lí, tuy nhiên trong khuôn khổ có hạn về mặt dung lượng của một luận án, đề tài chủ trương chỉ tập trung tìm hiểu cái là nét trội này. Đối

tượng nghiên cứu của đề tài là quan hệ xã hội ở Ninh Hiệp trong bối cảnh phi nông nghiệp hóa. Phạm vi nghiên cứu của đề tài là các quan hệ xã hội ở Ninh Hiệp kể từ sau năm 2002, thời điểm mà theo chủ trương của chính quyền xã, phần lớn đất nông nghiệp trong làng bắt đầu bị chuyển đổi mục đích sử dụng.

### **3. Phương pháp nghiên cứu**

Với việc tìm hiểu các quan hệ xã hội hiện nay ở làng Ninh Hiệp đặt trong bối cảnh, đề tài áp dụng phương pháp nghiên cứu quen thuộc của văn hóa học - bộ môn khoa học nằm ở giao điểm của các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Đó là phương pháp nghiên cứu liên ngành. Ở phạm vi đề tài này, bên cạnh phương pháp quan sát tham dự và phỏng vấn sâu là những phương pháp phổ biến trong dân tộc học và được lựa chọn như các phương pháp nghiên cứu chính vì thích hợp để tìm hiểu động cơ và ý nghĩa ẩn kín của các hành động của chủ thể văn hóa, người viết cũng quan tâm đến việc áp dụng phương pháp thống kê của xã hội học khi xem các thông số định lượng là những dữ kiện vừa có ý nghĩa gợi mở vừa hỗ trợ cho việc giải quyết vấn đề nghiên cứu, đồng thời lưu ý đến việc phân tích - tổng hợp các tư liệu có liên quan để nhận thức rõ hơn về vấn đề.

Luận án chú trọng đến cái nhìn “từ bên trong” nhằm tìm hiểu, khám phá quan điểm của chủ thể văn hóa xung quanh những gì mà họ lựa chọn. Với sự xác định trên, nguyên tắc của đề tài là *quan tâm đến câu trả lời của người dân Ninh Hiệp trong việc lí giải những gì liên quan đến việc họ khởi tạo, duy trì, gia tăng, giảm thiểu hay kết thúc các mối quan hệ xã hội của mình.*

Việc nghiên cứu với tư cách là một người trong cuộc đem lại cho người viết nhiều thuận lợi, nhưng cũng không phải không có khó khăn. Tuy nhiên, thuận lợi vẫn là chính. Bên cạnh đó, vị trí quan sát có phần “đa chiều” (là người làng nhưng không còn thường trú tại làng) cho người viết cơ hội có thể thấy được một số điều của bức tranh mà những người ở hoàn toàn trong/ ngoài bức tranh khó thấy.

### **4. Đóng góp của luận án**

Về mặt lí luận, qua việc giải quyết vấn đề nghiên cứu, luận án thảo luận với và bổ sung cho quan điểm “người nông dân duy lí” do Popkin khởi xướng. Đồng thời, luận án còn thảo luận với và bổ sung cho quan điểm “mạng xã hội”

về vốn xã hội và phát triển kinh tế, được biết đến nhiều trong lĩnh vực nghiên cứu vốn xã hội, của Burt, Portes, Massey, Woolcock, Fafchamps...

Về mặt thực tiễn, đề tài góp phần làm toàn diện hơn nhận thức về bức tranh toàn cảnh của quan hệ xã hội ở nông thôn nước ta hiện nay khi phi nông nghiệp hóa đang là một xu hướng ngày càng phát triển và vì thế, cung cấp thêm cơ sở cho những nhà hoạch định chính sách và những người trực tiếp thực hiện các dự án phát triển trong các lĩnh vực/ vấn đề có liên quan.

## **5. Bộ cục**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, và phụ lục, luận án có 05 chương: Chương 1. *Tình hình nghiên cứu và cơ sở lý thuyết* (22 tr.), Chương 2. *Làng Ninh Hiệp* (29 tr.), Chương 3. *Mạng lưới quan hệ xã hội ở Ninh Hiệp* (23 tr.), Chương 4. *Vốn xã hội ở Ninh Hiệp - sự vận dụng mạng lưới quan hệ xã hội trong hoạt động mưu sinh của người dân* (22 tr.), Chương 5. *Tính chiến lược trong quan hệ xã hội ở Ninh Hiệp - sự ứng xử với vốn xã hội* (32 tr.).

### **Chương 1: TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT**

#### **1.1. Tình hình nghiên cứu**

##### ***1.1.1. Tình hình nghiên cứu quan hệ xã hội ở làng Ninh Hiệp***

Đến nay, nhiều khảo sát về Ninh Hiệp đã được thực hiện. Những nghiên cứu mang tính tổng quát cũng như đi sâu tìm hiểu từng lĩnh vực như kinh tế, văn hóa, xã hội của Tô Duy Hợp (1997), Lê Thị Mai (2002), Lê Thanh Bình (2002), Nguyễn Đức Truyền (2003)... đã đưa đến một số kiến giải quan trọng về đối tượng này. Phần nào giống như chính ngôi làng, quan hệ xã hội ở Ninh Hiệp cũng nằm trong mối quan tâm của các nghiên cứu. Tuy nhiên, các công trình đề cập đến nó về cơ bản tập trung vào thời điểm cách đây trên một thập kỉ, khi Ninh Hiệp còn là làng hỗn hợp thay vì phi nông nghiệp hóa như hiện tại.

##### ***1.1.2. Tình hình nghiên cứu quan hệ xã hội ở nông thôn Việt Nam***

Có hai mảng chính được quan tâm trong việc nghiên cứu quan hệ xã hội ở nông thôn Việt Nam là đặc điểm của nó trước Cách mạng với các tác giả Gourou (1936), Nguyễn Văn Huyền (1944), Brocheux (1983), Trần Từ (1984), Lương Văn Hy (1985), Trần Ngọc Thêm (2001)..., và đặc điểm của nó từ sau Đổi mới đến nay với các tác giả Mai Văn Hai và Phan Đại Doãn (2003), Kleinen (2007), Lương Hồng Quang (2010), Tessier (2010), Nguyễn Tuấn Anh

(2010), Lương Văn Hy (2010), Ngô Thị Phương Lan (2011)... Trong cả hai mảng đề tài, các nhà nghiên cứu đã có nhận định đa dạng: một số xem nó là duy tình, số khác xem nó là duy lí và số còn lại thì trung hòa.

### **1.1.3. Tình hình nghiên cứu quan hệ xã hội ở nông thôn châu Á**

Cũng có ba cách nhìn nhận về thuộc tính của đối tượng này: duy tình, duy lí, và trung hòa. Tham gia vào cuộc thảo luận bắt đầu trở nên sôi nổi từ những năm 1970 về tính duy tình/duy lí nói chung và tính duy tình/duy lí trong quan hệ xã hội nói riêng của người nông dân châu Á mà Scott (1976) và Popkin (1979) là hạt nhân, có thể kể đến những cái tên đáng chú ý như: Feeny (1983), Greenough (1986), Evans (1986), Chovanes (1986), Kurtz (2000), McElwee (2007)... Mặc dù cuộc tranh luận đến nay vẫn chưa kết thúc, cách nhìn trong đó thừa nhận sự tồn tại của cả khía cạnh duy tình và duy lí ở quan hệ xã hội của khu vực nông thôn châu Á trong một hai thập niên qua dần trở nên chiếm ưu thế hơn. Có thể thấy khá rõ điều này qua các nghiên cứu về Trung Quốc, với các tác giả Yan (1996), Kipnis (1997), Wilson (2002)...

Tóm lại, quan hệ xã hội ở nông thôn Việt đã được các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước khảo sát trên một số phương diện và đạt được kết quả nhất định. Tuy nhiên, làng xã Việt một hai thập niên qua đã có những biến đổi quan trọng, mà việc tìm hiểu chúng trong bối cảnh mới là phi nông nghiệp hóa lại chưa được quan tâm đúng mức. Còn, các công trình có liên quan về Ninh Hiệp thì hoặc chưa nói đến, hoặc chưa đi sâu, hoặc chưa bao quát, hoặc có các nhận định không còn cập nhật sau những vận động xã hội nhanh chóng vừa diễn ra. Đây là khoảng trống mà người viết muốn bổ khuyết và vì thế cũng quy định vị trí của công trình trong bối cảnh nghiên cứu. Với đối tượng đang đề cập, người viết nhận thấy tính duy lí là nét trội. Tuy nhiên, tính duy lí đó có đặc thù riêng.

## **1.2. Cơ sở lí thuyết**

### **1.2.1. Lí thuyết**

Ở đề tài này, quan điểm chính mà người viết hướng tới sự thảo luận và bổ sung là quan điểm “người nông dân duy lí” mà Popkin (1979) là người đại diện.

Quan điểm của Popkin hình thành trên cơ sở thuyết *lựa chọn hợp lí*, một học thuyết có nội dung chính là các cá nhân luôn làm điều mà họ xét thấy đem lại kết quả tốt nhất cho họ, hay nói cách khác luôn hành động một cách có chủ



đích, có suy nghĩ để lựa chọn và sử dụng nguồn lực sao cho đạt được kết quả tối đa với chi phí tối thiểu. Đồng thời, việc tối đa hóa lợi ích còn bao gồm cả sự lựa chọn một hành động tuy đem đến lợi ích không phải lớn nhất nhưng bù lại có khả năng đạt được cao nhất, trên cơ sở đánh giá các cơ may. Homans, Blau và Braudel là những tên tuổi quan trọng của học thuyết này.

Trong trường hợp nghiên cứu của mình, với công trình *The Rational Peasant: The Political Economy of Rural Society in Vietnam* (1979), Popkin khẳng định người nông dân luôn lựa chọn cái mà họ tin là sẽ làm tối đa hóa lợi ích mong đợi. Và, trong khi Scott cùng các nhà kinh tế đạo đức khác cho rằng làng, với tư cách một thiết chế giảm thiểu rủi ro cho những thành viên của nó, là một cộng đồng đoàn kết, thì Popkin, vì xem người nông dân là những cá nhân duy lý, lại khẳng định nó mang tính chất một “ngiệp đoàn” nhiều hơn. Popkin vẫn thừa nhận có sự hợp tác trong nội bộ các nhóm nhỏ và giữa toàn thể thành viên của làng nhằm đạt được những lợi ích tập thể nhưng bên cạnh đó là rất nhiều sự mâu thuẫn nảy sinh liên quan đến lợi ích cá nhân. Mặt thứ hai được nhìn nhận là biểu hiện của tính duy lý trong quan hệ xã hội ở làng.

Hướng tới việc thảo luận với quan điểm mà Popkin đại diện, lí thuyết được người viết sử dụng trong đề tài là lí thuyết vốn xã hội.

Nội dung cơ bản của lí thuyết vốn xã hội là con người có thể sử dụng các quan hệ xã hội để tìm kiếm lợi ích. Các định nghĩa phổ biến về vốn xã hội của Bourdieu (1986), Coleman (1988), Putnam (1995), Portes (1998), Fukuyama (2001)... đều nhấn mạnh đến điều đó.

Có những hướng tiếp cận khác nhau về vốn xã hội. Góc nhìn mạng xã hội (*networks view*) là góc nhìn cụ thể được luận án ứng dụng. Cùng với góc nhìn cộng đồng (*communitarian view*), góc nhìn thể chế (*institutional view*) và góc nhìn đồng vận (*synergy view*), nó nằm trong các góc nhìn chủ yếu về vốn xã hội. Những công trình tiêu biểu cho góc nhìn này là của Burt (1992), Portes và Sensenbrenner (1993), Portes (1995); Massey (1998), Massey và Espinosa (1997), Fafchamps và Minten (1999); Woolcock (1999)... Các tác giả vừa đề cập đã phân biệt tính hướng nội và hướng ngoại của vốn xã hội, theo đó, vốn xã hội hướng nội (hay cũng gọi là vốn xã hội nội bộ) nằm trong nhóm, còn vốn xã hội hướng ngoại (hay cũng gọi là vốn xã hội bắc cầu) nằm ngoài nhóm; và nếu

vốn xã hội hướng nội chủ yếu giúp giảm thiểu/bảo hiểm rủi ro thì vốn xã hội hướng ngoại chủ yếu giúp phát triển kinh tế. Nói cách khác, vốn xã hội được nhìn nhận là gắn với dạng thức liên kết của các quan hệ xã hội: liên kết trong nội bộ, hoặc bắc cầu.

Đặt vấn đề tìm hiểu quan hệ xã hội ở Ninh Hiệp trong bối cảnh phi nông nghiệp hóa hiện nay, sử dụng lí thuyết *vốn xã hội* trong đề tài, người viết căn cứ vào thực tiễn Ninh Hiệp, cái được phản ánh qua những câu trả lời của chủ thể văn hóa - việc chuyển đổi từ nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế phi nông nghiệp dạng đặc thù là thương mại hóa đã thúc đẩy một cách mạnh mẽ “chiến lược” của người dân trong quan hệ xã hội của mình nhằm bảo hiểm rủi ro và phát triển lợi ích. Kết quả có được là cơ sở để người viết thảo luận với quan điểm mà Popkin đại diện về “người nông dân duy lí”. Với đối tượng đang đề cập (quan hệ xã hội ở Ninh Hiệp), như đã nói, người viết nhận thấy tính duy lí là nét trội. Tuy nhiên, khác với Popkin, người viết cho rằng tính duy lí trong quan hệ xã hội ở đây không chỉ biểu hiện qua sự  *cạnh tranh* mà còn biểu hiện qua sự  *cố kết* - một sự cố kết nhằm đạt được các mục đích có tính cá nhân - nữa. Đồng thời, kết quả nghiên cứu cũng bổ sung cho chính góc nhìn mạng xã hội về vốn xã hội và phát triển kinh tế: vốn xã hội không chỉ gắn với dạng thức liên kết của quan hệ xã hội mà còn gắn với tính chất của chúng.

### **1.2.2. Khái niệm**

“Quan hệ xã hội” (*social relations*) là khái niệm trung tâm của đề tài. Trên cơ sở tham khảo các định nghĩa liên quan của các từ điển/bách khoa thư trong và ngoài nước có tính tổng hợp cũng như chuyên ngành, khái niệm này được người viết dùng với nghĩa những  *tương tác giữa người với người* xuất hiện trong các quá trình hoạt động đa dạng về kinh tế, chính trị, và văn hóa.

Ngoài khái niệm vốn xã hội đã được đề cập đến trong phần lí thuyết, với những khái niệm khác liên quan đến vốn xã hội, tham khảo *The Social Science Encyclopedia* (2003), người viết xem:

- “Nhóm” (*group*) là tập hợp cá nhân được ràng buộc bởi các nguyên tắc tuyển mộ và bởi các quyền cùng nghĩa vụ của một thành viên.

- “Cộng đồng” (*community*) là những người cùng chia sẻ một không gian địa lí hay những đặc điểm chung xác định và/hoặc duy trì các mối quan hệ tương tác, cái định dạng nó thành một thực thể xã hội dễ phân biệt.

- “Mạng lưới xã hội” (*social network*) là mô hình kết nối các quan hệ xã hội của cá nhân, nhóm và tập thể. (Mạng lưới xã hội được lựa chọn khảo sát trong đề tài này là mạng lưới lấy cá nhân làm trung tâm).

- “Thiết chế xã hội” (*institutions*) là i) tổ chức mà qua đó hoạt động xã hội thiết yếu được thực hiện và nhu cầu xã hội được đáp ứng, có mức độ cao của sự cam kết - cái tích hợp, sắp xếp và ổn định các lĩnh vực chính của đời sống xã hội và ii) mô hình hành vi tồn tại, kết tinh theo thời gian, khiến con người trở nên gắn bó như là hệ quả của vai trò của chúng trong việc tạo nên bản sắc.

“Duy lí” (*rationality*) là một khái niệm trung tâm nữa của luận án. Trong lịch sử tồn tại lâu dài của mình, khái niệm này đã được đề cập đến bởi nhiều học giả, trong đó, đáng chú ý, Weber - một tên tuổi lớn của khoa học xã hội và nhân văn cuối thế kỉ XIX và đầu thế kỉ XX - xem nó là một giá trị gắn với chủ nghĩa tư bản phương tây cận đại. Cách hiểu của luận án về khái niệm duy lí không nằm ngoài cách hiểu chung ở các lí thuyết gia của thuyết duy lí đã thể hiện trong phần lí thuyết.

### **Tiểu kết**

*Những thập niên qua, Ninh Hiệp trở thành địa bàn nghiên cứu khá quen thuộc của một số ngành khoa học xã hội và nhân văn ở Việt Nam - không ít nghiên cứu về làng lấy Ninh Hiệp làm điểm khảo sát và nhiều kết luận đã được rút ra. Quan hệ xã hội, một trong những mảng đề tài được giới nghiên cứu về nông thôn châu Á quan tâm, cũng bắt đầu được chú ý khảo sát tại địa bàn. Tuy nhiên, trong bối cảnh chung của việc nghiên cứu quan hệ xã hội nông thôn ở Việt Nam là các làng xã phi nông nghiệp hóa chưa được đề cập nhiều, thì các công trình có liên quan về Ninh Hiệp nói riêng - một làng mà đến nay đã trở thành làng phi nông nghiệp rất tiêu biểu - lại chưa phản ánh những vận động mới nhất vừa diễn ra. Đề tài này, trên cơ sở lí thuyết vốn xã hội, từ cách tiếp cận liên ngành của văn hóa học và nhấn mạnh đến cái nhìn từ bên trong, hướng tới việc tìm hiểu tính chất của các quan hệ xã hội ở đây mà cụ thể là*

*mặt duy lí như là nét trội trong bối cảnh cơ cấu kinh tế của làng đang chuyển dịch từ hỗn hợp sang phi nông nghiệp triệt để.*

## **Chương 2: LÀNG NINH HIỆP**

### **2.1. Lịch sử hình thành**

Ninh Hiệp, nay thuộc huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội, trước có tên chữ là Phù Ninh, tên nôm là Nành, vốn thuộc phủ Từ Sơn, Bắc Ninh.

Trong sự tồn tại của mình, Ninh Hiệp đã trải qua nhiều đổi thay về hành chính. Tuy nhiên, trong ý thức dân cư của nó nhiều thế kỉ, Ninh Hiệp vẫn là một cộng đồng thống nhất. Từ năm 1961, Ninh Hiệp chính thức trở thành một xã của huyện Gia Lâm, Hà Nội. Với gần 500 ha diện tích đất tự nhiên và trên 16.000 dân, Ninh Hiệp hiện nằm trong số các xã lớn của ngoại thành Hà Nội.

### **2.2. Đời sống kinh tế, xã hội và văn hóa**

Ninh Hiệp trong quá khứ là một làng quê có những nét vừa tiêu biểu, vừa đặc thù cả về kinh tế, xã hội lẫn văn hóa của xứ Bắc.

Từ rất sớm, Ninh Hiệp đã là một làng đa ngành nghề. Về nông nghiệp, tuy làng có nhiều nghề, nhưng nghề này vẫn được xem là “vi bản”. Về tiểu thủ công nghiệp, Ninh Hiệp trước hết được biết đến với nghề dệt vải. Đây là nghề thủ công phổ biến hơn cả ở Ninh Hiệp, tương truyền xuất hiện từ thời Lý và nó chính là một trong những nền tảng hết sức quan trọng cho các hoạt động kinh doanh liên quan đến vải vóc ở Ninh Hiệp nhiều thế kỉ qua cũng như hiện nay. Nghề làm thuốc cũng có mặt rất sớm ở đây. Nghề da thì xuất hiện muộn hơn, khoảng đầu thế kỷ XX, do một người làng đi lính cho Pháp mang về. Về thương nghiệp, người Ninh Hiệp cũng rất có truyền thống và kinh nghiệm, thậm chí so với các hoạt động sản xuất còn có phần nổi bật hơn. Thương nghiệp Ninh Hiệp được cắm cột mốc bởi sự xuất hiện chợ Nành - ra đời từ thế kỉ X và nổi tiếng ít ra cũng từ thế kỉ XI, XII. Tính đa nghề với những quan hệ vượt ra ngoài làng đã góp phần tạo nên tính mở của làng.

Về các hình thức tổ chức của làng, như nhiều nơi khác, Ninh Hiệp có tập hợp người theo địa vực, tập hợp người theo huyết thống, tập hợp người theo lớp tuổi, tập hợp người trong các tổ chức dựa trên sự tự nguyện tham gia của cá nhân, và tập hợp người trong bộ máy chính quyền xã. Đồng thời,

cũng như nhiều làng xã khác, ở Ninh Hiệp trong nhiều thế kỉ tồn tại song song hai thiết chế quản lí là thiết chế hành chính nhà nước và thiết chế tự trị làng xã, theo đó hoạt động của nó được điều chỉnh bởi cả “phép nước” lẫn “lệ làng”.

Sự hội tụ một số lớn dòng họ là nét đặc thù của Ninh Hiệp và là một dấu hiệu nữa của tính “mở” của làng. Sớm có kinh tế hàng hóa, trong các thế kỉ qua, Ninh Hiệp đã thu hút nhiều người từ nơi khác đến làm ăn hoặc kết hôn với con gái làng và ở lại. Khác với phần lớn cư dân của các làng xã Bắc Bộ, người Ninh Hiệp không khắt khe với việc nhập cư và cũng không có sự phân biệt ít nhiều mang tính kì thị giữa dòng họ đến sau với dòng họ đến trước.

Về truyền thống giáo dục, Ninh Hiệp trong lịch sử từng được xem là mảnh đất đại khoa. Theo truyền thuyết, làng có trường học rất sớm, còn trên thực tế, trường học của làng là một trung tâm giáo dục nổi tiếng của khu vực bắc Thăng Long từ cuối thời Lê đến hết thời Nguyễn. Sự phát triển của nền giáo dục Nho học trong một thời gian dài không phải không ít nhiều chi phối đến quan hệ xã hội ở làng, mà vĩ thanh tới nay vẫn còn.

Nằm trong cái nôi Kinh Bắc, Ninh Hiệp có một kho tàng di sản văn hóa rất phong phú, mà nổi bật là các sáng tác văn học truyền miệng cùng các tri thức về nghề thủ công. Bên cạnh đó, các lễ hội gắn với Ninh Hiệp nói chung đều là các lễ hội thu hút được sự chú ý của đông đảo người dân trong vùng. Về di sản vật thể, do thuộc địa phận của trung tâm Phật giáo Luy Lâu xưa, Ninh Hiệp có khá nhiều ngôi chùa nổi tiếng mà Pháp Vân, Khánh Ninh và Đại Bi là những gì còn bảo tồn được. Bên cạnh đó, làng có nhiều đình, đền lâu đời, giàu giá trị thẩm mỹ. Tôn giáo và lễ hội cũng là các thiết chế văn hóa có tác động tới quan hệ xã hội của ngôi làng này trước đây cũng như hiện tại.

Với Ninh Hiệp, việc tích cực tiếp thu văn hóa bên ngoài như truyền thống chung của xứ Bắc không chỉ thể hiện ở sự hiện diện của các yếu tố văn hóa Trung Hoa (Nho) hay Ấn Độ (Phật). Đầu thế kỉ XX, khi tư tưởng duy tân khởi nguồn từ những thành tựu của các cuộc cách mạng tư sản phương tây tràn vào nước ta, Ninh Hiệp đã trở thành một địa bàn quan trọng của phong trào “Đông kinh nghĩa thực” trong thời gian tồn tại tuy ngắn ngủi nhưng đầy ý nghĩa của nó. Đây cũng là nơi gặp gỡ của nhiều chí sĩ yêu nước tiếng tăm bấy

giờ. Vào thập niên 30, làng còn là một trung tâm lưu giữ, phát tán tài liệu cách mạng của Tôn Trung Sơn trong vùng.

Từ sau Cách mạng, cụ thể hơn là sau giải phóng (1954), đến trước Đổi mới, Ninh Hiệp chia sẻ tình hình chung của các làng xã miền Bắc và tiếp đó là cả nước về kinh tế, xã hội và văn hóa. Về kinh tế, người Ninh Hiệp bước vào quá trình sản xuất tập thể. Về xã hội và văn hóa, đồng dạng với những làng xã khác, các thiết chế xã hội và văn hóa cổ truyền ở Ninh Hiệp được thay thế bằng các thiết chế xã hội chủ nghĩa.

Công cuộc Đổi mới được triển khai từ năm 1986 đã đem đến những biến đổi lớn cho làng. Ninh Hiệp những thập niên qua chính là một trong những địa phương đứng đầu của miền Bắc về phát triển kinh tế với sự chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng thương mại hóa. Về mặt xã hội, các thiết chế xã hội truyền thống đã “giải thể” trong thời kì bao cấp được phục hồi, tất nhiên thường là với hình thức không hoàn toàn như cũ. Về mặt văn hóa, người dân Ninh Hiệp một mặt khước từ các thực hành văn hóa theo khuôn mẫu truyền thống ở mức độ chưa từng có so với trước, mặt khác không ngừng tiếp thu những yếu tố của văn hóa đô thị - công nghiệp.

Ninh Hiệp xưa là một làng quê xứ Bắc vừa tiêu biểu vừa độc đáo của tiểu vùng cả về đời sống kinh tế, xã hội lẫn văn hóa, và nay đang trong quá trình phi nông nghiệp hóa rất mạnh mẽ. Những điều này đã chi phối bức tranh quan hệ xã hội nơi đây.

### **Tiểu kết**

*Bên cạnh việc vẫn duy trì nghề nông như là nghề cơ bản, Ninh Hiệp trước Cách mạng nổi tiếng bởi nghề dệt, nghề chế biến thuốc và đặc biệt là nghề buôn gắn với chợ Nành - một chợ lớn trong vùng có từ thời Lý. Nghề da được du nhập vào đây thời Pháp thuộc và ngày càng phát triển sau đó đã tô đậm thêm tính chất đa nghề của ngôi làng. Vì vậy, đời sống kinh tế, xã hội và văn hóa của làng vừa có nét chung lại vừa có nét riêng so với những nơi khác trong vùng. Sau Cách mạng mà cụ thể hơn là sau năm 1954, tiếp tục là một làng hỗn hợp nông nghiệp - phi nông nghiệp, nhưng Ninh Hiệp hòa lẫn vào bộ mặt chung của các làng xã trong cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung cho*

*đến những năm Đổi mới (dù không phải luôn chia sẻ cách ứng xử). Các thập niên gần đây, Ninh Hiệp đã trở thành một làng phi nông nghiệp hóa triệt để với nhiều vận động mới cả về kinh tế, văn hóa và xã hội. Tất cả những yếu tố trên là bối cảnh xa và gần của bức tranh quan hệ xã hội ở Ninh Hiệp hiện nay.*

### **Chương 3: MẠNG LƯỚI QUAN HỆ XÃ HỘI Ở NINH HIỆP**

#### **3.1. Các quan hệ cơ bản trong mạng lưới**

Như nhiều nơi khác, họ hàng, láng giềng, và bạn bè là những quan hệ xã hội cơ bản của người Ninh Hiệp.

##### **3.1.1. Quan hệ họ hàng**

Quan hệ họ hàng ở Ninh Hiệp được xem bao gồm quan hệ bên phía cha, phía mẹ, và phía vợ/chồng, trong đó quan hệ bên phía cha là điển hình nhất.

Trước năm 1945, ý thức dòng họ ở Ninh Hiệp là khá rõ nét. Đặc biệt, việc làng có nhiều dòng họ hiển đạt, được xem là vọng tộc trong vùng cũng làm cho ý thức về dòng họ ở đây phát triển. Sau năm 1954, do sự thay đổi triệt để trong hệ tư tưởng và cơ cấu tổ chức kinh tế - xã hội, quan hệ dòng họ ở làng không còn như trước. Kể từ Đổi mới (1986), quan hệ này mới được “khôi phục” trở lại. Đầu thập niên 2000 trở đi, tức thời điểm Ninh Hiệp bước vào quá trình phi nông nghiệp hóa toàn diện, đã có một sự gia tăng đáng kể quan hệ dòng họ ở đây, thể hiện ở việc phát triển quỹ họ, tôn tạo nhà thờ họ/mộ tổ, làm gia phả và khuyến khích các sinh hoạt dòng họ.

##### **3.1.2. Quan hệ láng giềng**

Ninh Hiệp có 09 thôn (mỗi thôn có 8 - 12 tổ liên gia). Người làng trên thực tế vẫn coi quan hệ láng giềng của mình chủ yếu tồn tại trong phạm vi ngõ, tức trùng với phạm vi của tổ liên gia. Phần đất thổ cư của Ninh Hiệp có các xóm và ngõ nằm kề nhau thành một khối, khiến mối quan hệ láng giềng của cư dân nơi này mang tính mở hơn so với những làng có kiểu phân bố phi mật tập. Hiện nay, do người làng ngày càng bận bịu với việc kinh doanh, quan hệ láng giềng trong một số trường hợp được thực thi chủ yếu vào những dịp nghi lễ. Nhưng cũng do sự chuyển đổi nghề nghiệp, trong không ít trường hợp khác, quan hệ này lại có xu hướng gắn kết hơn, nhất là trong nhóm đồng đảng về kinh tế.

### **3.1.3. Quan hệ bạn bè**

Các dạng quan hệ bạn bè chính ở Ninh Hiệp là “bạn chơi”, “bạn nghề”, và “bạn trong các tổ chức phi quan phương”. “Bạn chơi” là từ của người Ninh Hiệp xưa dùng để chỉ những người bạn thân thiết, gắn bó lâu dài. Vai trò của nó, ở nhiều trường hợp, là không thua kém quan hệ họ hàng gần. “Bạn nghề” là dạng quan hệ bạn bè do đặc thù của làng đem lại. Hiện nay, dù môi trường làm nghề ở Ninh Hiệp đã khác trước nhiều do tính cạnh tranh cao, dấu ấn của quan hệ bạn nghề phần nào vẫn có thể được nhận thấy qua quan hệ “bạn chợ”. So với quan hệ bạn chơi và bạn nghề thì bạn trong tổ chức phi quan phương là mối quan hệ ít sâu sắc bằng, song lại phong phú hơn vì rất dễ thiết lập. Hiện, quan hệ bạn bè qua các tổ chức phi quan phương ở đây đang có xu hướng gia tăng.

Trên thực tế, không có một sự phân biệt hoàn toàn rạch ròi giữa các dạng quan hệ xã hội cơ bản trên (họ hàng, láng giềng và bạn bè) ở người Ninh Hiệp. Họ công nhận cả các quan hệ chồng lấn giữa chúng.

## **3.2. Cấu trúc của mạng lưới**

Tại Ninh Hiệp, giống như mẫu số chung ở nhiều nơi khác, cấu trúc mạng lưới quan hệ xã hội gắn liền với tính thân - sơ của các quan hệ. Căn cứ trên cái nhìn của những người trong cuộc, tôi nhận thấy có thể xác định mạng lưới quan hệ xã hội của dân cư Ninh Hiệp bao gồm 03 đơn vị là: nòng cốt, lân cận và ngoại vi, trong đó khu vực nòng cốt và lân cận thuộc bộ phận trung tâm còn khu vực cuối thuộc bộ phận ngoại vi. Khu vực nòng cốt ở Ninh Hiệp không chỉ bao gồm những người trong gia đình, những họ hàng gần nhất đàn ông và đàn ông mà còn bao gồm cả một số quan hệ đàn ông và bạn bè thân thiết. Về khu vực lân cận, với người Ninh Hiệp đây là khu vực bao gồm những họ hàng hay bạn bè không nằm trong quan hệ đã được xác định thuộc khu vực nòng cốt, và láng giềng. Về khu vực ngoại vi, người Ninh Hiệp xem đây là khu vực bao gồm những người mà với họ có mối quan hệ xa hơn hai khu vực đã kể (có thể là toàn bộ cộng đồng làng và bên ngoài làng).

### **3.2.1. Bộ phận quan hệ xã hội trung tâm**

Để có một hình dung cụ thể về bộ phận quan hệ xã hội trung tâm trong mạng lưới quan hệ xã hội của người dân ở Ninh Hiệp, người viết đã khảo sát 30 danh sách khách dự đám cưới của các gia đình nằm trong mẫu gia đình tiêu



biểu ở Ninh Hiệp hiện nay. Sở dĩ có sự lựa chọn như vậy là vì danh sách những người dự đám cưới cho thấy rõ cơ cấu bộ phận trung tâm trong mạng lưới quan hệ xã hội của gia chủ hơn bất cứ danh sách những người tham gia một sự kiện nghi thức có tính gia đình nào. Nói cách khác, đám cưới chính là sự kiện điển hình về mức độ hiện diện như chúng đáng có của các mối quan hệ xã hội thuộc bộ phận trung tâm qua thành phần khách. Những gia đình cung cấp các danh sách khách dự đám cưới này đều có điểm chung cơ bản là chủ hộ cùng ở độ tuổi trung niên và họ nội, họ ngoại cùng họ bên vợ của chủ hộ đều thuộc về những họ có nhân khẩu trung bình của làng. Đó cũng là sự lựa chọn có chủ ý của người viết khi thu thập dữ liệu để giảm bớt biến số gây nhiễu có thể ảnh hưởng đến tính chính xác của kết quả. Kết quả khảo sát cho thấy i) kích cỡ mạng lưới quan hệ xã hội trung tâm có liên quan đến quy mô của việc buôn bán và ii) quan hệ họ hàng chiếm tỉ lệ lớn trong bộ phận quan hệ xã hội trung tâm. Trong số các danh sách khách dự đám cưới thu thập được, người viết đã chọn ra danh sách của một hộ gia đình buôn bán ở mức trung bình và danh sách của một hộ gia đình buôn bán nhỏ, là những hộ gia đình đại diện cho các mức độ buôn bán phổ biến hơn cả ở Ninh Hiệp, để giới thiệu một cách chi tiết.

### **3.2.2. Bộ phận quan hệ xã hội ngoại vi**

Ngoài khu vực nòng cốt và lân cận thuộc bộ phận trung tâm trong mạng lưới, cái được thể hiện rất rõ qua danh sách khách dự đám cưới như đã phân tích, người ta còn có các quan hệ thuộc khu vực ngoại vi mà tự nó làm thành một bộ phận là bộ phận quan hệ xã hội ngoại vi. Ở Ninh Hiệp, như đã nói, đó là mối quan hệ nằm ngoài khu vực nòng cốt và lân cận kể trên, ví dụ như những người sinh hoạt cùng trong các hội nhóm phi quan phương, bạn hàng, hay đơn giản là người làng. Nếu minh họa mức độ thân - sơ của các quan hệ xã hội của một cá nhân bằng mô hình các vòng tròn đồng tâm thì dạng quan hệ này nằm ở vòng ngoài cùng. Trong khi tình cảm được hiểu là thuộc tính chính của các quan hệ nòng cốt và lân cận thì thực dụng có thể được hiểu là thuộc tính chính của quan hệ đang bàn.

#### ***Tiểu kết***

*Bên cạnh các dạng quan hệ xã hội cơ bản là họ hàng (quan hệ dựa trên huyết thống), láng giềng (quan hệ dựa trên không gian cư trú) và bạn bè (quan*

hệ dựa trên tình cảm), người Ninh Hiệp đồng thời công nhận các quan hệ chồng lán: vừa là họ hàng vừa là láng giềng, vừa là họ hàng vừa là bạn bè, vừa là láng giềng vừa là bạn bè... Mạng lưới quan hệ xã hội lấy cá nhân làm trung tâm của họ được xác định bao gồm các đơn vị nòng cốt, lân cận và ngoại vi, trong đó đơn vị nòng cốt (chứa đựng không chỉ các quan hệ đàng cha mà cả các quan hệ đàng mẹ và bạn bè thân thiết) cùng đơn vị lân cận tạo thành bộ phận quan hệ xã hội trung tâm, còn đơn vị cuối tự nó tạo thành một bộ phận là quan hệ xã hội ngoại vi. Đặc điểm của bộ phận quan hệ xã hội trung tâm ở Ninh Hiệp là quan hệ họ hàng chiếm tỉ lệ lớn và kích cỡ mạng lưới liên quan đến quy mô của việc buôn bán là nghề mưu sinh chính của dân làng hiện nay. Đặc điểm của bộ phận quan hệ xã hội ngoại vi ở Ninh Hiệp là hầu như mọi quan hệ đều được duy trì ngay cả ở thời điểm chủ thể không có nhu cầu về nó.

## **Chương 4: VỐN XÃ HỘI Ở NINH HIỆP - SỰ VẬN DỤNG MẠNG LƯỚI QUAN HỆ XÃ HỘI TRONG HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA NGƯỜI DÂN**

### **4.1. Vốn xã hội nội bộ**

Có nhiều vấn đề khiến người ta phải lo lắng khi tham gia vào hoạt động buôn bán đòi hỏi số vốn đáng kể, đặc biệt là buôn bán xuyên biên giới, nhưng tựu trung lại xoay quanh một từ là *rủi ro*. Muốn có được nhiều lợi nhuận, người ta phải đầu tư lớn, mà đầu tư lớn bao nhiêu thì nguy cơ gặp rủi ro cũng lớn bấy nhiêu. Trường hợp rủi ro lớn nhất có thể gặp phải là phá sản, tức trắng tay và mang nợ. Vì rủi ro là điều thường trực với người kinh doanh ở Ninh Hiệp, người ta luôn phải tính đến những điều kiện đảm bảo cho việc vượt qua nó, hay nói cách khác tính đến những gì có thể làm chỗ dựa khi rơi vào tình trạng xấu. Một trong những sự đảm bảo quan trọng nhất là có một mạng lưới quan hệ xã hội thân thiết với các thành viên luôn sẵn lòng giúp đỡ lẫn nhau lúc khó khăn.

Đối chiếu trong bản thân khu vực nòng cốt, thì quan hệ giữa những người họ hàng gần nhìn chung vẫn được người Ninh Hiệp xem là sâu sắc hơn quan hệ giữa bạn bè thân với nhau. Như ta biết, với yếu tố tình cảm và sự ràng buộc mang tính thể chế, nhìn chung quan hệ họ hàng là dạng quan hệ mang tính “chặt”/ “đóng kín” hơn so với các dạng quan hệ xã hội cơ bản còn lại (bạn bè và láng giềng), do vậy nó dễ được xem là chỗ dựa đầu tiên khi gặp bất trắc. Sự

nhấn mạnh vào quan hệ họ hàng ở Ninh Hiệp phần nào đã biểu hiện qua cơ cấu bộ phận trung tâm của mạng lưới quan hệ xã hội ở làng với tỉ lệ vượt trội của quan hệ họ hàng so với các quan hệ còn lại.

Vốn xã hội nội bộ là cái giúp người dân Ninh Hiệp vượt qua những khó khăn mà họ gặp phải trong công việc buôn bán của mình. Nó không chỉ gắn với “nội bộ” của những nhóm có tính đồng nhất như đặc điểm chung mà ta vẫn biết của loại vốn này, tức gắn với dạng thức liên kết của quan hệ xã hội, mà còn gắn với tính chất của các quan hệ. Ở người Ninh Hiệp, họ hàng gần và bạn bè thân thiết, những quan hệ được xem là tình cảm, gần gũi nhất - được xếp vào quan hệ nòng cốt - là cơ sở của loại vốn đang đề cập.

#### **4.2. Vốn xã hội bắc cầu**

Làng Ninh Hiệp hiện nay là một đấu trường.

“Làng là một đấu trường” ở trường hợp Ninh Hiệp có thể được diễn giải như là sự tồn tại một cuộc cạnh tranh tìm kiếm lợi nhuận kinh doanh giữa các hộ gia đình trong môi trường là làng. Trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt, người Ninh Hiệp cho biết, một mạng lưới rộng giúp họ dễ dàng hơn trong tạo vốn, tiêu thụ sản phẩm và nắm bắt được những thông tin cần thiết cho việc buôn bán. Lúc này vốn xã hội bắc cầu thể hiện vai trò của mình.

Với môi quan hệ đan xen chằng chịt giữa các cá nhân trong một cộng đồng chung là làng, việc mở rộng vốn xã hội bắc cầu của người Ninh Hiệp không chỉ là sự mở rộng các quan hệ (thực tế thì trong làng, những người làm ăn trên cùng một lĩnh vực thường đã ít nhiều có một môi quan hệ nào đó) mà còn - và điều này mới là chủ yếu - là sự phát triển các quan hệ ngoại vi căn cứ trên niềm tin và sự thừa nhận của cả cộng đồng mà cá nhân đạt được thông qua các quan hệ trung tâm. Nói cách khác, người Ninh Hiệp phát triển vốn xã hội bắc cầu bằng việc có được sự thừa nhận từ các quan hệ thuộc vùng trung tâm, tức qua các quan hệ trung tâm phát triển các quan hệ ngoại vi đã có nền tảng sẵn. Trong bối cảnh “cả làng biết nhau”, theo cách nói của người Ninh Hiệp, thì việc gây dựng quan hệ xã hội ở phạm vi rộng hơn này lại không phải là vấn đề cần đặt ra với họ, mà cái cần đặt ra là phát triển các mối quan hệ đó. Nếu vốn xã hội nội bộ gắn với sự ràng buộc và tình cảm của các thành viên trong nhóm thì vốn xã hội bắc cầu gắn liền với *vị thế*, hay thể diện trong nhóm, của chủ thể.

Việc duy trì tốt mối quan hệ thuộc vùng trung tâm, trên thực tế, đem đến cho người ta một vị thế vượt ra khỏi phạm vi của nó. Do vậy, bên cạnh việc đầu tư cho vốn xã hội nội bộ để bảo hiểm rủi ro trong đời sống kinh doanh vốn nhiều bất trắc thì phát triển vốn xã hội bắc cầu là điều mà những người buôn bán ở Ninh Hiệp không thể không quan tâm, nhất là khi môi trường kinh doanh chính là làng, nơi niềm tin và sự thừa nhận của cộng đồng đóng vai trò lớn quyết định sự thành bại.

Vốn xã hội bắc cầu ở Ninh Hiệp không chỉ là vốn vươn ra bên ngoài những nhóm có tính đồng nhất như đặc điểm chung mà ta vẫn biết của loại vốn này, tức gắn với dạng thức liên kết của quan hệ xã hội, mà còn - cũng giống như vốn xã hội nội bộ nơi đây - gắn với tính chất của các quan hệ. Vốn xã hội bắc cầu của người Ninh Hiệp chủ yếu tồn tại trong các quan hệ xã hội thuộc khu vực ngoại vi.

### **Tiểu kết**

*Dựa trên mạng lưới quan hệ xã hội lấy cá nhân làm trung tâm, vốn xã hội của các cá nhân ở Ninh Hiệp được hình thành. Trước hết, đó là vốn xã hội nội bộ, hay vốn nằm trong những nhóm đồng nhất, loại vốn được người Ninh Hiệp sử dụng để bảo hiểm những rủi ro dễ gặp phải của nghề buôn bán. Vốn xã hội nội bộ ở Ninh Hiệp thường gắn với bộ phận quan hệ xã hội trung tâm. Họ hàng gần và bạn bè thân thiết - những quan hệ được xếp vào khu vực quan hệ nòng cốt - là cơ sở của loại vốn này. Sau nữa, đó là vốn xã hội bắc cầu, hay vốn vươn ra ngoài những nhóm đồng nhất, loại vốn được người Ninh Hiệp sử dụng để tìm kiếm lợi ích trong bối cảnh làng là một đấu trường kinh tế. Vốn xã hội bắc cầu ở Ninh Hiệp thường gắn với bộ phận quan hệ xã hội ngoại vi. Nói cách khác, vốn xã hội ở Ninh Hiệp không chỉ gắn với dạng thức liên kết của quan hệ xã hội mà còn gắn với tính chất của các quan hệ này.*

## **Chương 5: TÍNH CHIẾN LƯỢC TRONG QUAN HỆ XÃ HỘI Ở NINH HIỆP - SỰ ỨNG XỬ VỚI VỐN XÃ HỘI**

### **5.1. Bảo vệ vốn xã hội**

Người làng Ninh Hiệp giữ gìn vốn xã hội nội bộ của mình, cụ thể là tránh để nó bị tổn hại, bằng cách tách quan hệ xã hội nòng cốt khỏi các hoạt động kinh tế.

Đối với các thành viên thuộc khu vực nòng cốt trong mạng lưới quan hệ xã hội của mình là họ hàng gần và bạn bè thân, người Ninh Hiệp i) không liên kết trong các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp (thương mại, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ), ii) không thuê mướn làm nhân công, và iii) không vay vốn để làm ăn. Đó là những gì mà người viết đã rút ra được khi tìm hiểu về “mối quan hệ” giữa hoạt động kinh tế và các quan hệ xã hội gần gũi ở nơi đây. Nguyên nhân của hiện tượng trên là mong muốn tránh làm tổn hại quan hệ của mỗi cá nhân do những va chạm từ hoạt động kinh tế gây ra và vì thế tránh làm tổn hại thể diện của mỗi người trong nhóm, hay nói cách khác, bảo vệ vốn xã hội nội bộ và bắc cầu của mỗi cá nhân.

Theo sự phân tích của họ, việc buôn bán khó lòng không theo nguyên tắc thị trường, mà liên quan đến đồng tiền lại có rất nhiều vấn đề phức tạp nảy sinh và khó kiểm soát nên không sớm thì muộn, sẽ gây ra những đổ vỡ nhất định nếu đối tác là người thân. Chủ trương chung của người làng hiện nay là không để đồng tiền can thiệp vào các quan hệ để rạn nứt nhưng lại khó hàn gắn này, trên tinh thần “việc ai nấy làm” và “mắt lòng trước, được lòng sau”. Bên cạnh đó, các quy ước của cộng đồng trong ứng xử với người thân quen là sự ràng buộc lớn mà nếu họ không theo sẽ bị đánh giá là không tốt (tính toán khắt khe với những đối tượng không nên khắt khe), còn nếu theo sẽ thiệt hại không nhỏ về kinh tế. Không thể giải quyết được nan đề này thì tránh hoặc hạn chế, đó là quan điểm nhất quán của họ. Như vậy, việc tách hoạt động kinh tế ra khỏi các quan hệ tình cảm gần gũi ở người Ninh Hiệp được thực hiện là để tránh cho chúng những sự tổn hại, và qua đó bảo vệ vốn xã hội nội bộ của mình. Đồng thời, việc này được thực hiện cũng là để bảo vệ thể diện “bên trong nhóm” của mỗi cá nhân như một cách giữ gìn và phát triển vốn xã hội bắc cầu.

## **5.2. Phát triển vốn xã hội**

### **5.2.1. *Củng cố quan hệ xã hội đã có***

Có hai hình thức để củng cố những mối quan hệ xã hội đã có là i) củng cố mối quan hệ với nhóm, và ii) củng cố mối quan hệ song phương với các cá nhân.

Những “nhóm” mà với chúng người ta muốn củng cố mối quan hệ là những nhóm nằm trong bộ phận quan hệ xã hội trung tâm. Ví dụ dễ nhận thấy là việc củng cố mối quan hệ với *tổ chức dòng họ*, nhóm bao trùm hơn cả lên quan hệ họ hàng. Người ta làm điều đó bằng việc tích cực tham gia và đóng góp công của cho các hoạt động của dòng họ. Khi được hỏi về lí do của sự nhiệt tình này, mặc dù các đối tượng được phỏng vấn đều giải thích rằng việc làm của họ xuất phát từ tình cảm, song nhiều người cũng thừa nhận, sự ứng xử tốt với họ tộc sẽ khiến họ được bà con ghi nhận và khi gặp khó khăn sẽ được nhận lại sự ứng xử tương tự. Như vậy, có thể nói, sự củng cố quan hệ với tổ chức dòng họ ngoài nguyên có “tình” còn có “lí” nữa.

Việc củng cố mối quan hệ song phương lại có hai dạng - củng cố mối quan hệ ở mức độ không làm thay đổi sự định danh quan hệ và củng cố mối quan hệ ở mức độ làm thay đổi sự định danh quan hệ.

Thứ nhất, việc củng cố mối quan hệ ở mức độ không làm thay đổi sự định danh quan hệ.

Điều này diễn ra với các quan hệ thuộc cả bộ phận trung tâm lẫn ngoại vi. Trước hết, về các quan hệ xã hội trung tâm. Nhờ vào sự trợ giúp của họ hàng và bạn bè, nhiều người từng bị phá sản ở Ninh Hiệp đã khôi phục được việc kinh doanh. Tuy nhiên, việc vay mượn không phải là dễ dàng nếu như không có mối quan hệ thường xuyên từ trước, tức chỉ có những họ hàng gần mà người ta có qua lại thực sự và bạn bè thân thiết mới là đối tượng người ta có thể trông cậy trong hoàn cảnh này. Ngay cả quan hệ họ hàng, là quan hệ được thừa kế do yếu tố huyết thống - quan hệ chứa đựng vốn xã hội một cách tự nhiên ở mức độ nhất định - cũng không đem lại một sự đảm bảo hoàn toàn nếu đó là mối quan hệ không được đầu tư, vì sự giúp đỡ của họ hàng gần *do trách nhiệm* sẽ dừng ở một khoản không lớn và cũng chỉ trong một thời gian xác định. Nói cách khác, sự trợ giúp mà một người nhận được từ một mối quan hệ sẽ liên quan mật thiết đến những gì người ấy đã làm với mối quan hệ đó. Ý thức rằng để có thể nhận được sự hỗ trợ trong lúc khó khăn thì phải đầu tư, người Ninh Hiệp rất quan tâm củng cố các mối quan hệ xã hội gần gũi. Về mặt vật chất, khi có điều kiện, họ sẽ giúp đỡ những người thân quen trong những

trường hợp cần thiết, đặc biệt là khi những người đó buôn bán không thuận lợi với suy nghĩ “giúp người là giúp mình”. Đồng thời, họ cũng rất chú ý qua lại và biếu xén quà cáp thường xuyên cho những đối tượng này. Và, bên cạnh sự đầu tư vật chất, người Ninh Hiệp tất nhiên còn đầu tư cả trên khía cạnh tinh thần. Hiện tượng người vai thứ/ ngành thứ xin làm giỗ tiếp sức để có thể mời đông đủ bạn bè thân tham dự vào một sự kiện có tính nghi lễ của gia đình (mà không phụ thuộc vào người trưởng) hay hiện tượng cứ đến cuối năm âm lịch, nhiều người đưa con về sinh hoạt bên nhà mẹ để cùng các chị em gái khác cho đến tận ngày 30 là những biểu hiện của việc dùng tình cảm như một cách thức để nâng cao không ngừng chất lượng của mối quan hệ. Sau nữa, về các quan hệ xã hội ngoại vi. Quan hệ ngoại vi cũng được người Ninh Hiệp đầu tư củng cố, mà một trong những chỉ báo của điều này gần đây là việc tăng cường mời những người thuộc dạng quan hệ đang bàn tham dự “tiệc tùng qua lại”.

Thứ hai, việc củng cố mối quan hệ ở mức độ làm thay đổi sự định danh quan hệ.

Với các quan hệ xã hội phân theo loại hình.

Như nhiều làng xã khác, quan hệ họ hàng, láng giềng và bạn bè ở Ninh Hiệp có thể chồng lấn lên nhau, người Ninh Hiệp tùy tình hình sẽ định danh nó bằng mối quan hệ nào mà người ta muốn nhấn mạnh, trong khi các mối quan hệ còn lại - ít nhất là tạm thời - sẽ bị “lờ” đi. Có một xu hướng dễ chỉ ra, điều này liên quan đến những cân nhắc thực dụng của họ trong bối cảnh đặc thù là thương mại hóa của làng, hay nói cách khác, liên quan đến mục đích tạo dựng vốn xã hội của họ. Ngay cả khi họ khẳng định rằng quyết định của mình còn xuất phát từ khía cạnh tình cảm, thì đặt hành vi của họ trong bối cảnh mà nó được thực hiện, yếu tố *lợi* vẫn là điểm nhấn rõ nét.

Với các quan hệ xã hội phân theo tính chất.

Việc quản lý các mối quan hệ xã hội phân theo tính chất ở người dân Ninh Hiệp đã tạo ra khả năng dịch chuyển của các mối quan hệ này với xu thế hướng tâm là chủ yếu. Sự gia tăng hay suy giảm các quan hệ xã hội tỉ lệ thuận với sự gia tăng hay giảm sút vốn xã hội, nên nếu không vì những mâu thuẫn không thể hòa giải, sẽ không có quan hệ nào thực sự bị xóa bỏ trong mạng

lưới. Khởi điểm là những quan hệ ngoại vi, theo thời gian, một số quan hệ đã dịch chuyển hướng vào tâm. Ví dụ dễ nhận thấy là sự hình thành các “nhóm” trong nội bộ của từng hiệp hội phi quan phương (hội đồng học, hội đồng niên, hội thể thao - văn nghệ...). Không khó nhận thấy ở đây ý thức xác lập những mối quan hệ cần thiết để nhận được nguồn lực đáng mong muốn.

### **5.2.2. Tạo quan hệ xã hội mới**

Cách tạo mới mỗi quan hệ dễ nhận thấy nhất ở người Ninh Hiệp là thông qua người quen, và tất yếu những mối quan hệ mới là những mối quan hệ có tính hướng đích - những người chưa có thâm niên kinh doanh chú ý đến điều này vì nó tạo cơ sở ban đầu cho việc làm ăn của họ, còn những người đã có thâm niên cũng chú ý đến điều này vì nó giúp việc làm ăn của họ tiến triển hơn. Người ta có thể tạo mạng lưới mới cho mình bằng các quan hệ đơn tuyến hoặc đa tuyến.

Bên cạnh đó, còn có một cách khác mà người Ninh Hiệp thường sử dụng để tạo mới quan hệ là tham gia vào hội loại nhóm phi quan phương. Thực tế, đó là sự tạo dựng vốn xã hội tiềm tàng. Vốn này sẽ được kích hoạt khi chủ thể có nhu cầu.

### **Tiểu kết**

*Liên quan đến sự tổ chức một mạng lưới quan hệ xã hội theo ý đồ cá nhân, tính chiến lược trong quan hệ xã hội ở Ninh Hiệp được thể hiện trong cách họ ứng xử với vốn xã hội của mình, bao gồm việc hành động để bảo vệ và phát triển nó. Người dân làng Ninh Hiệp bảo vệ vốn xã hội bằng cách tách các quan hệ xã hội thuộc khu vực nông cốt khỏi các hoạt động kinh tế: không liên kết, không thuê mướn làm nhân công, và không vay vốn để làm ăn với các thành viên thuộc khu vực quan hệ xã hội này; đồng thời phát triển vốn xã hội bằng cách gia tăng chất lượng và số lượng của các quan hệ trong mạng lưới quan hệ xã hội của mỗi người: củng cố các quan hệ xã hội đã có đối với nhóm cũng như đối với các cá nhân (cả ở mức độ có và không làm thay đổi sự định danh mỗi quan hệ), và tạo các quan hệ xã hội mới đối với nhóm cũng như đối với các cá nhân thông qua những quan hệ đã tồn tại trước đó hay bằng sự tham gia vào các loại hội nhóm phi quan phương.*



## KẾT LUẬN

Đề tài này, với những gì được đặt ra qua tên gọi của nó, quan tâm đến các quan hệ xã hội trong bối cảnh chuyển đổi về cơ cấu kinh tế tại một ngôi làng thuộc khu vực ngoại thành của Hà Nội hiện nay. Thừa nhận sự tồn tại của cả mặt tình và mặt lý trong quan hệ xã hội ở địa bàn nghiên cứu, tuy nhiên, trong khuôn khổ có hạn của một luận án, đề tài - như đã giới thuyết - không đề cập đến tất cả các mặt trong quan hệ xã hội tại địa bàn nghiên cứu mà tập trung vào việc tìm hiểu nét trội của nó là tính duy lý. Và lẽ tất nhiên, với tác giả, nét trội này được nhìn nhận như là “nét trội” tại một thời điểm cụ thể, nhất định trong lịch sử của ngôi làng, cái được đưa lại bởi một bối cảnh đặc thù.

Phi nông nghiệp hóa là đặc điểm chi phối nhiều mặt quan hệ xã hội của Ninh Hiệp hiện nay. Qua trường hợp nghiên cứu, luận án đã tập trung tìm hiểu các quan hệ cơ bản trong mạng lưới quan hệ xã hội và cấu trúc mạng lưới này, vai trò của vốn xã hội trong các hoạt động kinh tế của người dân tại địa bàn, cùng sự ứng xử với vốn xã hội trên tư cách là một chiến lược trong quan hệ xã hội và rút ra những nhận định như sau.

Bên cạnh các dạng quan hệ xã hội cơ bản là họ hàng, láng giềng và bạn bè, người Ninh Hiệp đồng thời công nhận các quan hệ chồng lấn. Mạng lưới quan hệ xã hội lấy cá nhân làm trung tâm của họ được xác định bao gồm các đơn vị nòng cốt, lân cận và ngoại vi, trong đó đơn vị nòng cốt và đơn vị lân cận tạo thành bộ phận quan hệ xã hội trung tâm còn đơn vị cuối cùng tự nó tạo thành một bộ phận là quan hệ xã hội ngoại vi. Vốn xã hội của các cá nhân trong làng được hình thành trên cơ sở mạng lưới đang bàn. Vốn xã hội nội bộ - hay vốn nằm trong những nhóm đồng nhất và được sử dụng để bảo hiểm rủi ro - thường gắn với bộ phận quan hệ trung tâm. Cụ thể, người ta sử dụng nó để gây dựng lại việc làm ăn sau khi gặp sự cố, điều dễ xảy ra trong môi trường kinh doanh ở làng hiện nay. Còn vốn xã hội bắc cầu - hay vốn vươn ra ngoài những nhóm đồng nhất và được sử dụng để tìm kiếm các lợi ích - thường gắn với bộ phận quan hệ ngoại vi. Cụ thể, người ta sử dụng nó để khuếch trương việc làm ăn của mình. Nhằm bảo vệ vốn xã hội, người dân Ninh Hiệp chủ trương tách các quan hệ xã hội thuộc khu vực nòng cốt (bao gồm họ hàng gần và bạn bè thân) khỏi các hoạt động kinh tế, tức về cơ bản không liên kết, không thuê

mướn làm nhân công và không vay vốn để làm ăn với những đối tượng là người nằm trong các mối quan hệ xã hội thuộc phạm vi khu vực này. Việc tránh đề các va chạm liên quan đến kinh tế làm tổn hại tới những quan hệ được xem là quan trọng nhưng lại “rất khó hàn gắn nếu xảy ra rạn nứt” của cá nhân kể trên - hay nói cách khác, giữ gìn vốn xã hội của mỗi người - là điều mà họ rất chú ý. Trên thực tế, người ta cho rằng sự áp dụng các nguyên tắc kinh tế một cách sòng phẳng với những người thân quen dễ gây sứt mẻ quan hệ và chủ thể sẽ bị mang tiếng trong khi môi trường kinh doanh lại chính là làng, nơi mà mọi hành vi đều được biết đến và bị đánh giá. Mặt khác, để phát triển vốn xã hội, họ gia tăng chất lượng và số lượng của các loại quan hệ trong mạng lưới quan hệ xã hội, cụ thể là củng cố các quan hệ đã tồn tại đối với các nhóm/cá nhân ở mức độ có hoặc không làm thay đổi sự định danh quan hệ, và tạo quan hệ mới đối với các nhóm/cá nhân chủ yếu thông qua những quan hệ từ trước hay thông qua sự tham gia vào các loại hội nhóm phi quan phương.

Như ta biết, quan điểm mạng xã hội về vốn xã hội với các đại diện là Burt (1992), Portes (1995), Massey (1998), Woolcock (1999), Fafchamps (1999)... phân biệt vốn xã hội làm hai loại gắn với dạng thức liên kết của các quan hệ - loại thứ nhất là vốn xã hội nội bộ, nằm trong những nhóm có tính đồng nhất, giúp giảm thiểu rủi ro và loại thứ hai là vốn xã hội bắc cầu, nằm ngoài những nhóm có tính đồng nhất, giúp tìm kiếm lợi ích. Những khảo sát của người viết ở Ninh Hiệp cho thấy, vốn xã hội tại đây, ngoài việc gắn với dạng thức liên kết của các quan hệ, còn gắn với tính chất của chúng. Theo đó, vốn xã hội nội bộ nằm trong những nhóm thuộc về bộ phận quan hệ xã hội trung tâm còn vốn xã hội bắc cầu nằm trong những nhóm thuộc về bộ phận quan hệ xã hội ngoại vi của mạng lưới quan hệ xã hội (mà mỗi cá nhân sở hữu). Cụ thể, vốn xã hội nội bộ ở Ninh Hiệp thường không tách khỏi các quan hệ nòng cốt như họ hàng gần, bạn bè thân thiết còn vốn xã hội bắc cầu thì hòa vào các quan hệ xa hơn - khi người ta gặp khó khăn trong hoạt động kinh tế, người ta dựa vào các quan hệ nòng cốt để tiến hành việc khôi phục tình trạng cũ, nhưng khi muốn phát triển hoạt động này, người ta lại dựa vào các quan hệ phi nòng cốt với những trao đổi có đi có lại trên cơ sở lợi ích. Tóm lại, vai trò của vốn xã hội ở Ninh Hiệp gắn với cả dạng thức liên kết lẫn tính chất của các

quan hệ xã hội. Như vậy, bất cứ một quan hệ xã hội nào cũng có thể trở nên quan trọng và điều đó đồng nghĩa với việc các quan hệ xã hội truyền thống vẫn luôn được đề ngỏ chứ không ở vào tình thế chắc chắn bị triệt tiêu.

Tính duy lí là nét trội trong bức tranh quan hệ xã hội ở Ninh Hiệp hiện nay. Tuy nhiên, bổ sung cho quan điểm “người nông dân duy lí” mà Popkin (1979) đại diện, tác giả luận án nhấn mạnh rằng tính duy lí trong các quan hệ xã hội của người dân Ninh Hiệp không chỉ biểu hiện qua sự *cạnh tranh* mà còn biểu hiện qua sự *cố kết*, một sự cố kết nhằm đạt được những mục đích có tính cá nhân. Trong bối cảnh thương nghiệp hóa triệt để hiện nay, Ninh Hiệp đã thực sự là một đấu trường giữa các thương nhân, nơi thị trường chỉ có hạn mà số lượng người muốn được dự phần thì không ngừng tăng lên. Cạnh tranh vì lợi ích, nhưng mặt khác họ cũng cố kết vì lợi ích. Đó là một sự cố kết nhằm đi tới cái đích là bản thân thay vì tập thể. Sự cố kết đang bản thể hiện ở việc người Ninh Hiệp bảo vệ và phát triển vốn xã hội của mình bằng cách tách các quan hệ xã hội thuộc khu vực nông cốt khỏi các hoạt động kinh tế như đã nói, đồng thời củng cố các quan hệ xã hội đã có đối với nhóm cũng như đối với các cá nhân và tạo các quan hệ xã hội mới. Tính cố kết ở đây không phải là biểu hiện của tư duy “an toàn trên hết”, mà là biểu hiện của chiến lược đối phó với những thử thách mà người Ninh Hiệp luôn phải đương đầu trong công việc kinh doanh của họ. Việc tăng cường và mở rộng các quan hệ xã hội trong mạng lưới quan hệ của mỗi cá nhân nhằm hướng tới chiến lược bảo hiểm rủi ro và tìm kiếm lợi ích ở Ninh Hiệp là một nguyên nhân để các quan hệ xã hội truyền thống vẫn có thể tiếp tục tồn tại, thậm chí còn phát triển mạnh mẽ.

Những gì diễn ra tại Ninh Hiệp nói lên sự tương tác sâu sắc giữa quá trình thương mại hóa và quan hệ xã hội. Quá trình thương mại hóa chi phối mặt duy lí trong quan hệ xã hội, tuy nhiên mặt duy lí đó cũng chi phối trở lại quá trình này. Ở Ninh Hiệp, như đã nói, đòi hỏi của việc buôn bán khiến người ta phải có chiến lược củng cố và phát triển mạng lưới quan hệ xã hội trước đây cũng như bây giờ, và mặt khác, các quan hệ xã hội với sự nhấn mạnh đến tính gắn kết trong làng và quảng giao ngoài làng cũng trở thành nguồn “vốn” có vai trò thúc đẩy quá trình thương mại hóa phát triển một cách tiệm tiến trong quá khứ và ngày càng mạnh mẽ hơn ở giai đoạn hiện tại. Hiện thực này gặp gỡ nhận định

của Granato cùng cộng sự (1996) rằng việc thừa nhận vai trò của chỉ một yếu tố trong mối quan hệ kinh tế - văn hóa là không toàn diện và Guiso cùng cộng sự (2006) rằng văn hóa có một ảnh hưởng có thể nhận thức được đến kinh tế.

Ứng xử của người Ninh Hiệp với quan hệ xã hội cho thấy phản ứng của họ trong một xã hội đang chuyển đổi từ tiền phi nông nghiệp hóa sang phi nông nghiệp hóa, tức từ xã hội được xem là “truyền thống” sang xã hội được coi là “hiện đại”, và liên quan tới vấn đề rộng lớn hơn về sự ứng xử đối với quan hệ xã hội truyền thống của người nông dân Việt nói chung trong quá trình hiện đại hóa những thập niên gần đây. Nói cách khác, nó cho thấy một phần bức tranh của sự lựa chọn của người nông dân Việt trước những chuyển đổi này. Với việc đề ngỏ các quan hệ, đảm bảo cho chúng có thể di động từ ngoại vi vào trung tâm và ngược lại ở mọi thời điểm, cũng như từ chối loại bỏ các quan hệ trong mạng lưới quan hệ xã hội của mình trừ trường hợp thật đặc biệt, người Ninh Hiệp - trong khi xem quan hệ xã hội như một dạng vốn - đang có những lựa chọn mà theo đó tính duy lý trở thành điểm nhấn nhằm thích ứng với các biến đổi to lớn đang tác động đến cộng đồng cũng như đời sống của mỗi cá nhân. Trước hết, họ tạo ra những *hình thức* mới cho các thực hành mang tính duy lý trong quan hệ xã hội bằng việc “cải biên” triệt để một số yếu tố cũ; sau nữa, họ còn tạo ra những *nội dung* mới cho các thực hành mang tính duy lý trong quan hệ xã hội của mình. Vì văn hóa không phải là cái nhất thành bất biến mà là cái không ngừng được làm mới, vận hành trên cơ sở của mỗi quan tâm tại từng thời điểm, có thể thấy qua sự ứng xử với quan hệ xã hội, người Ninh Hiệp vẫn đang tiếp tục quá trình sáng tạo văn hóa của mình - của những con người ham làm giàu, năng động, quyết đoán, luôn đi tiên phong trong sự “hiện đại hóa” bằng việc khai thác một cách khôn ngoan, khéo léo những nguồn lực đã có. Điều cuối cùng luận án muốn nhấn mạnh là, mặc dù sự ứng xử với các quan hệ xã hội truyền thống ở Ninh Hiệp sẽ còn có những vận động không ngừng nghỉ và không dễ dự đoán, nhìn từ góc độ vốn xã hội và xét trong xu thế phi nông nghiệp hóa đặc thù của làng hiện nay là thương mại hóa thì khả năng những quan hệ nói trên sẽ tiếp tục giữ các vai trò quan trọng *theo những cách thức khác nhau* với người dân trong tương lai gần là có thể khẳng định.

# **DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. “Hành trình tìm lại vị thế trong gia đình truyền thống ở người lập nghiệp xa quê qua nghiên cứu trường hợp xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, Hà Nội”, Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 1, 2012, tr. 55 - 65.

2. “Quan hệ làng xã trong bối cảnh thương mại hóa ở nông thôn Bắc Bộ (trường hợp xã Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội), Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 3, 2012, tr. 45 - 51.

3. “Tình cảm và chiến lược trong quan hệ họ hàng ở khu vực nông thôn Bắc Bộ phi nông nghiệp hóa (trường hợp xã Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội)”, Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 6, 2013, tr. 50 - 58, 77.

4. “Mạng lưới quan hệ xã hội ở một làng Bắc Bộ trong bối cảnh thương mại hóa (trường hợp xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, Hà Nội)”, Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 4, 2015, tr. 69 - 73.

## ***Dịch thuật khoa học:***

Putnam, R.D., “Bowling một mình, sự suy giảm vốn xã hội của Mỹ”, Tạp chí *Khoa học xã hội*, số 9, 2013, tr. 74 - 87